

## VÀI NÉT VỀ CỘNG ĐỒNG CÔNG GIÁO PHILIPPINES TRONG LỊCH SỬ

LƯỜNG HOÀI THANH<sup>(\*)</sup>

**K**ể từ khi Tây Ban Nha xâm lược và cai trị tại Philippines (từ năm 1565) cho đến nay, Công giáo Philippines đã có lịch sử gần 500 năm. Từ việc tìm hiểu về quá trình hình thành và phát triển của cộng đồng Công giáo Philippines, có thể dễ dàng nhận thấy: đây là một cộng đồng Công giáo lớn nhất tại Châu Á. Không chỉ có vậy, Công giáo khi được du nhập vào Philippines hầu như không vấp phải một sự kháng cự nào mà nhanh chóng được tiếp nhận, mặc dù chủ yếu thông qua con đường cưỡng bức. Chính vì thế, dẫu phải trải qua nhiều biến cố thăng trầm, số lượng tín đồ Công giáo tại Philippines không ngừng lớn mạnh và phát triển.

Trong bài viết này, chúng tôi chỉ đi vào tìm hiểu và phân tích một vài nét về cộng đồng Công giáo Philippines trong lịch sử:

*Thứ nhất, so với các quốc gia trong khu vực, Giáo hội Công giáo Philippines là Giáo hội Công giáo có lịch sử tồn tại lâu đời nhất.*

Sau cuộc thám hiểm của F. Magienlăng năm 1521, Công giáo lần đầu tiên đã du nhập vào quần đảo Philippines. Kể từ đó, trải qua biết bao thăng trầm, đôi khi chịu những tổn thất to lớn, nhưng Công giáo đã không ngừng lớn mạnh và phát triển tại đảo quốc này.

Một trong những thuận lợi khiến cho Công giáo có thể tồn tại bền vững ở đất nước ngàn đảo này chính là ở chỗ, trước khi có sự du nhập của Công giáo, ở Philippines chưa có một tôn giáo chủ đạo cho toàn bộ đất nước, chỉ có đạo Islam đang phát triển tại các đảo miền Nam và các tín ngưỡng nguyên thủy của cư dân bản địa. Đây là điểm khác biệt của Philippines so với hầu hết các quốc gia ở khu vực Đông Nam Á. Hầu hết các nước trong khu vực lúc này (thế kỉ XV) đều đã là các quốc gia thống nhất, có những quốc gia đã qua giai đoạn phát triển đỉnh cao như Đại Việt, Ăngko, Majapahit, v.v... và các nhà nước đó đều chọn cho mình một tôn giáo chính thống cho toàn đất nước, mà ở giai đoạn này chủ yếu là vai trò của Phật giáo. Vì thế, Philippines được coi là một mảnh đất màu mỡ cho sự “ươm mầm” một tôn giáo mới từ Phương Tây tới. Không những thế, cư dân ở đây còn rất cởi mở và dễ dàng tiếp nhận Công giáo, mặc dù thời gian đầu Tây Ban Nha sử dụng biện pháp cưỡng bức là chủ yếu. Cứ thế, cùng với quá trình xâm lược và thống trị của thực dân Tây Ban Nha, Công giáo đã trở thành tôn giáo chủ đạo của Philippines, chặn đứng làn sóng truyền bá Islam giáo và các cuộc đấu

\* ThS., Khoa Sử - Địa, Đại học Tây Bắc.

tranh của người Môrô theo Islam giáo ở miền Nam.

Công cuộc “Công giáo hoá” Philippines diễn ra rất thuận lợi và hầu như chỉ vấp phải sự kháng cự không đáng kể. Vì thế, ở Philippines số giáo dân không ngừng phát triển, nhất là khi tỉnh dòng Rất Thánh Mân Côi (thuộc dòng Đa Minh) được thành lập (1592).

Theo thống kê bước đầu, “có khoảng 85% dân số Philippines là người Công giáo. Cả nước có 60 giáo khu trong đó có một số giáo khu có trên một triệu tín đồ là Manila, Lingaen, Dagupan, Cebu, Bakolog, v.v... Các giáo khu khác như Sanpablo Sain, Fernando, Palo, v.v... chỉ có từ 0,7 đến 0,9 triệu thành viên. Các giáo khu nhỏ nhất như Isabela chỉ có 45 ngàn người. Ở Philippines có số lượng tu sĩ cao cấp khá đông. Cụ thể, có 13 tổng giám mục, trong đó có hai hồng y giáo chủ đều là người Philippines và 47 giám mục. Giới tu sĩ cấp dưới có khoảng 4000 - 5000 tu sĩ, số thành viên của các dòng tu nam có trên 3000 - 4000 và nữ có gần 6,6 nghìn. Trên lãnh thổ Philippines có 1,7 nghìn xứ đạo đang hoạt động. Giữa Philippines và Vatican đã thiết lập quan hệ ngoại giao. Giáo hội Công giáo La Mã ở Philippines có gần 2000 trường học các cấp, và khoảng 1.800 người theo học ở các chủng viện. Riêng trường đại học tổng hợp Công giáo lớn nhất ở Philippines vào cuối những năm 1960 đã có tới 66.000 sinh viên theo học”<sup>(1)</sup>.

Những số liệu trên cho thấy đa số người dân Philippines đều là tín đồ Công giáo, chỉ có một số ít theo các tôn giáo khác như Tin Lành giáo (6%), Islam giáo (5%) và một số tín ngưỡng nguyên thủy tiếp tục được duy trì.

Cho đến nay, Philippines được coi là nước có cộng đồng Công giáo lớn thứ hai thế giới (sau Braxin). Tuy nhiên, số linh mục kể trên vẫn không đủ đáp ứng nhu cầu mục vụ. “Trung bình một linh mục coi sóc 8.700 giáo dân, trong khi đó trên bình diện toàn cầu tỉ lệ này là một linh mục coi sóc 2.500 giáo dân. Cả nước có 2.703 giáo xứ, trung bình mỗi giáo xứ có khoảng 22.869 giáo dân. Tỉ lệ này ở Hoa Kỳ là 3.073 giáo dân/một giáo xứ. Nhiều giáo xứ hiện nay không có linh mục để coi sóc”<sup>(2)</sup>.

Như vậy, trải qua các thời kì, số lượng tín đồ Công giáo ở Philippines không ngừng gia tăng, cùng với đó là ảnh hưởng và vai trò của Công giáo tại đây là rất lớn. Ngày nay, khi đời sống tôn giáo thế giới xuất hiện các hiện tượng “khô đạo”, “nhạt đạo” thì vẫn có thể khẳng định: tín đồ Công giáo Philippines vẫn là những người hết sức mộ đạo. “Không bao giờ họ có ý định từ bỏ Đức Chúa Giêsu vì họ đã làm lễ rửa tội,... và sẵn sàng hi sinh sự sống của mình để bảo vệ đạo và với sự giúp đỡ của Chúa, họ là con chiên ngoan đạo cho đến cuối đời”<sup>(3)</sup>.

Nhà thờ Công giáo La Mã tại Philippines có vai trò và ảnh hưởng rất to lớn, chi phối mọi mặt của đời sống xã hội. Bên cạnh đó, hai nhánh của Công giáo Philippines là Aglipay và Iglesia ni Kristo cũng thu hút một số lượng khá đông các tín đồ.

1. Mai Thị Hạnh. (2006), *Mối quan hệ giữa truyền giáo và chủ nghĩa thực dân ở Việt Nam và Philippines (từ thế kỉ XVI – XIX)*, luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, tr. 32.

2. Mai Thị Hạnh, (2006). *Mối quan hệ giữa truyền giáo và chủ nghĩa thực dân...*, Sdd, tr. 33.

3. Corpuz Onofred, (1979). *Philippines*, Ban Đông Nam Á, Viện Thông tin khoa học xã hội, tr. 232.

Chi nhánh Aglipay (Giáo hội Philippines Độc lập) xuất hiện cùng với cuộc khởi nghĩa của nhân dân Philippines năm 1898 và do Linh mục G. Aglipay sáng lập ở phía Bắc Luzon, còn chi phái Iglesia ni Kristo (Giáo hội của người Công giáo) được thành lập vào năm 1914. Đây là những tổ chức Công giáo do người Philippines sáng lập trong phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc chống lại ách cai trị của thực dân Tây Ban Nha, sau đó là Hoa Kỳ. Họ mong muốn tách khỏi Giáo hội Công giáo La Mã để khẳng định vị thế độc lập của đất nước và dân tộc, mặc dù đến tận năm 1971 thì Giáo hội Philippines mới được độc lập hoàn toàn (tách khỏi tỉnh dòng Rất Thánh Mân Côi của Tây Ban Nha).

Hiện nay, Philippines có ba Hồng y giáo chủ đều là người Philippines, Ricardo Cardinal Vidal, Jose Cardinal Sanchez và Gaudencio Cardinal Rosales. Hồng y giáo chủ quá cố Jaime Cardinal Sin từng là người lãnh đạo tinh thần của quốc gia (nhất là trong cuộc đấu tranh lật đổ chế độ độc tài của Tổng thống F. Marcos), ông mất ngày 21/6/2005. Hồng y giáo chủ Vidal là Tổng Giám mục Cebu; Hồng y giáo chủ Sanchez là cựu trưởng giáo đoàn tăng lữ Roman Curia và Hồng y giáo chủ Rosales là Tổng Giám mục Manila.

Tín đồ Công giáo Philippines tin rằng, con người tự làm nên số phận của mình và cuộc sống chỉ có giá trị khi người ta mang lại cho nó ý nghĩa. Niềm tin này đi kèm với niềm tin Chúa tồn tại, niềm tin vào Kinh Thánh, tin vào cuộc sống nhưng cũng tin vào sự tồn tại của các thế lực siêu nhiên.

*Thứ hai, Công giáo và Nhà nước thực dân có quan hệ gắn bó chặt chẽ không thể tách rời.*

Điều này cũng được thể hiện ngay trong bản Hiến pháp của Philippines ngày 8/2/1935: "Cầu mong sự phù trợ của Đấng Tối cao để thiết lập một chế độ nhà nước có thể thực hiện các lí tưởng của Người, giữ gìn và gia tăng di sản của dân tộc, thúc đẩy sự phồn thịnh chung và đảm bảo cho thế hệ ngày nay và con cháu họ được hưởng hạnh phúc của nền độc lập trong điều kiện công bằng, tự do và dân chủ, nhân dân Philippines ban hành và công bố Hiến pháp này"<sup>(4)</sup>.

Theo quan điểm của sử học mácxít, giữa truyền giáo và chủ nghĩa thực dân có mối quan hệ khăng khít với nhau. Chính trong thời kì Giáo hội truyền giáo ra vùng đất ngoại với quy mô lớn chưa từng có thì cũng là thời kì hoạt động của các giáo sĩ bớt đi tính thiêng liêng của nó. Các giáo sĩ không chỉ là kẻ tiên khu, dọn đường cho chủ nghĩa thực dân mà còn là kẻ đồng hành cùng chủ nghĩa thực dân trong quá trình xâm lược và nô dịch thuộc địa.

Ngược lại, Giáo hội và giới sử học Công giáo lại tìm mọi lí lẽ để biện minh cho hành động của mình và cho rằng quá trình truyền đạo không có gì gắn bó với quá trình xâm lược của chủ nghĩa thực dân. Giáo hội phủ nhận mối quan hệ này và cho rằng việc truyền giảng Phúc Âm là việc phải thực thi của Giáo hội.

Tuy nhiên, trong những năm gần đây, xuất phát từ chủ trương canh tân Giáo hội, những người đứng đầu Toà Thánh

4. Clive J. Christie, (2000). *Lịch sử Đông Nam Á hiện đại*, Nxb. Chính trị Quốc gia, tr. 1.

trong đó có Giáo hoàng Gioan Phaolô II đã công khai xin lỗi thế giới về những sai lỗi mà Giáo hội đã phạm phải trong quá khứ. Mùa Chay năm 2000 (12/3/2000), lần đầu tiên người đứng đầu Giáo hội công khai xin lỗi trước hàng ngàn người và được truyền đi khắp thế giới. Toà Thánh Vatican đã long trọng tổ chức nghi thức xin lỗi về những sai lỗi mà Giáo hội Công giáo đã phạm phải trong quá khứ như “sự bất khoan dung tôn giáo, sử dụng bạo lực trong khi phục vụ đức tin; cư xử sai trái gây thù hận trong anh em Kitô hữu, đối với tín đồ các tôn giáo và các dân tộc”<sup>(5)</sup>. Giáo hoàng Gioan Phaolô II khẳng định: “Bởi những lỗi lầm con cái Giáo hội phạm phải khi nhân danh Giáo hội đã làm mất đi uy tín của Giáo hội Công giáo”<sup>(6)</sup>. Toà Thánh cũng thừa nhận “Trong nhiều thế kỉ, với mục tiêu mở rộng nước Chúa, nhiều con cái Giáo hội Công giáo thường sử dụng vũ lực hoặc chủ trương sử dụng vũ lực ép buộc người khác theo đạo,... Các cuộc truyền giáo do Giáo hội khởi xướng tới các vùng đất khác nhau, dựa vào sức mạnh quân đội Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha thế kỉ XV đã phạm nhiều lầm lỗi đối với các dân tộc da đen ở Châu Phi, da đỏ ở Châu Mỹ và các dân tộc thuộc Châu Á”<sup>(7)</sup>.

Tại Philippines, trong thời kì xâm lược, thực dân Tây Ban Nha rất quan tâm tới sự phát triển của Công giáo ở đây như cung cấp tiền bạc cho các đoàn truyền giáo hoạt động, chuyên chở giáo sĩ miễn phí, hoặc tạo điều kiện pháp lí để các nhà truyền đạo được đi lại tự do, v.v...

Chính quyền thực dân cũng rất nỗ lực trong việc thiết lập các khu định cư của người Công giáo. Đặc biệt, ở những khu vực đã bị chinh phục, thực dân Tây Ban

Nha chia cư dân thành các khu điền trang. Thực chất nó là chính sách trung gian giữa bảo vệ các quyền của dân bản xứ và đảm bảo lợi nhuận cho chính quyền thực dân, song chính nó lại tạo điều kiện cho Công giáo được phát triển mạnh.

Rất nhiều khu điền trang như vậy đã được thành lập trong thời kì xâm lược của Tây Ban Nha đồng nghĩa với việc có rất nhiều người đã trở thành những tín đồ Công giáo. Đối lại sự giúp đỡ của nhà nước thực dân đối với công việc truyền giáo, các giáo sĩ cũng nỗ lực hết mình cho sự nghiệp chinh phục của “Mẫu quốc”. Với sự hiểu biết sâu rộng trong nhiều lĩnh vực, các giáo sĩ là người chỉ đường dẫn lối cho thực dân Tây Ban Nha xâm lược, các giáo sĩ kêu gọi giáo dân tham gia đoàn quân viễn chinh, làm cố vấn cho thực dân, thậm chí còn là người chỉ huy những đoàn quân ấy. “Bằng tôn giáo chứ không phải bằng vũ lực, Tây Ban Nha thống trị Philippines và áp đặt chế độ nộp cống, lao động cưỡng bức và tòng quân cưỡng bách. Như vậy, các linh mục trở thành trụ cột của Nhà nước thực dân và đã từng khoe khoang rằng “trong mỗi linh mục ở Philippines, vua Tây Ban Nha có một tướng chỉ huy và cả một đội quân”<sup>(8)</sup>. Ví dụ điển hình là Andres Urdaneta - một giáo sĩ dòng Tên đã được vua Philip II bổ nhiệm làm đồng chỉ huy

5. Trần Công, (2000). “Giáo hội Công giáo công khai xin lỗi thế giới về những sai lầm trong quá khứ”, Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, (số 3/2000), tr. 53.

6. Trần Công, (2000). “Giáo hội Công giáo công khai xin lỗi...”, Sđd, tr. 53.

7. Trần Công, (2000). “Giáo hội Công giáo công khai xin lỗi...”, Sđd, tr. 54.

8. Mai Thị Hạnh, (2006). *Mối quan hệ giữa truyền giáo và chủ nghĩa thực dân ở Việt Nam và Philippines (từ thế kỉ XVI – XIX)*, luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, tr. 152.

cùng Legaspi trong cuộc viễn chinh năm 1565. Và cũng chính giáo sĩ này là một trong những người đã chỉ huy một chiếc tàu trong cuộc viễn chinh của Villabolos (năm 1524).

Sau này, Mỹ đã lập lại chính sách này, đó là sử dụng biện pháp cai trị bằng tư tưởng, tinh thần, dựa vào nhà thờ để cai trị nhân dân (đặc biệt là sử dụng đạo Tin Lành) nhất là về văn hoá giáo dục nhằm “Mỹ hoá” đất nước này.

Trong thời kì Philippines trở thành thuộc địa của Tây Ban Nha, nhà nước thực dân và nhà thờ vẫn hoàn toàn phụ thuộc vào nhau, thống nhất với nhau. Đây là thời kì mà xã hội Philippines, lối sống Philippines được hình thành với những giáo lí tôn giáo của nhà thờ và các giáo sĩ.

Các giáo sĩ Tây Ban Nha đã thiết lập nên một xã hội thần quyền, lấy tôn giáo làm rường cột cho nền thống trị của Tây Ban Nha. Sự thống nhất giữa giáo hội và nhà nước được thể hiện ở chỗ: Ở Philippines luôn tồn tại song song hai hệ thống: quan chức dân sự và giáo sĩ. Công việc của họ chồng chéo lên nhau. Thậm chí có những người vừa có quyền hành trong lĩnh vực dân sự lại vừa có quyền hành trong lĩnh vực tôn giáo: “Đứng đầu chính phủ trung ương ở Philippines là thống đốc kiêm tư lệnh quân đội do nhà vua bổ nhiệm và bãi miễn. Ông ta có quyền lực to lớn trong các lĩnh vực hành pháp, quân sự, tư pháp và tôn giáo...”<sup>(9)</sup>.

Tuy nhiên, chính sự chồng chéo này khiến Philippines không thể nào có được sự phân công rành mạch, thoả đáng giữa quyền lực dân sự và giáo hội. Trong suốt thời kì thống trị của thực dân Tây Ban Nha, luôn thấy có một hiện tượng là các

quan chức dân sự luôn phàn nàn về sự can thiệp của Giáo hội, kể cả việc các chức sắc tôn giáo tiếm quyền của họ. Giáo hội Công giáo sử dụng quyền lực to lớn của mình để phục vụ không những cho chủ nghĩa thực dân mà còn cho chính quyền lợi kinh tế và địa vị thống trị của Giáo hội tại Philippines. Ngoài giáo lí, họ còn nhấn mạnh đến một số đức tính như cam chịu, an phận, v.v... nhằm buộc người dân Philippines mù quáng chấp nhận quyền lực của họ.

Mối quan hệ giữa Nhà nước thực dân và Giáo hội thời kì này còn được thể hiện ở chỗ: Nhà nước thực dân chịu mọi chi phí về sự quản lí của Giáo hội và tạo điều kiện để củng cố, phát triển nhà thờ. Ngược lại, tất cả các quan chức Giáo hội, ngoài việc phục vụ tinh thần của giới mình, còn có nhiệm vụ phải quan tâm đến việc duy trì chủ quyền của Tây Ban Nha và giúp thực dân Tây Ban Nha kiểm soát về chính trị, và thực tế mọi sắc lệnh của chính quyền Madrid muốn được thực thi phải thông qua giới tu sĩ, nếu họ không thi hành đồng nghĩa với việc sắc lệnh đó không có hiệu lực.

Các giám mục, người lãnh đạo các chức sắc tôn giáo đều là thành viên của Junta de Autoridades - một uỷ ban được lập ra để cố vấn cho nhà vua và trong rất nhiều trường hợp, giám mục có thể đứng lên làm người lãnh đạo đất nước khi vị trí này tạm thời bị bỏ trống. Ở cấp tỉnh, các chức sắc tôn giáo làm việc bên cạnh các thị trưởng pháp quan Tây Ban Nha. Do người Tây Ban Nha nắm giữ tương

9. Mai Thị Hạnh, (2006). *Mối quan hệ giữa truyền giáo và chủ nghĩa thực dân ở Việt Nam và Philippines (từ thế kỉ XVI - XIX)*, luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, tr. 47.

đối ít các vị trí ở bên ngoài Manila nên các linh mục ở các địa phương lại là người đại diện cho quyền lực của nhà vua Tây Ban Nha tại khu vực này. Linh mục là thầy giáo dạy học ở các trường địa phương, soạn thảo hồ sơ, đồng thời cũng là người giúp thu thuế, giám sát việc sửa chữa cầu đường, dựng lên các luật lệ và cũng chính các linh mục là người lãnh đạo người dân thị trấn chống lại các cuộc tấn công của người Môrô từ phía Nam.

Trong các thị trấn, người cầm đầu về chính trị là một thẩm phán người Philippines, nhưng thực tế ông ta lại là cấp dưới của vị giáo sĩ về chính trị và đạo đức. Bên cạnh các nhân viên thị trấn, những người tuân lệnh mình, các linh mục xứ cũng có các trợ lý khác người bản xứ gọi là *Fiscales* (kiểm soát viên). Những người này sẽ báo cáo cho linh mục xứ những sự việc diễn ra trong thị trấn, giúp ông ta trong việc dạy bảo dân chúng và chỉ điểm ai là người lơ là với những nhiệm vụ tôn giáo. “Ở Dominic, người ta còn sử dụng cả trẻ con để báo cáo những sự lười biếng của người lớn trong việc cầu nguyện và đi lễ nhà thờ”<sup>(10)</sup>.

Sở dĩ trong quá trình xâm lược và thống trị Philippines có sự gắn bó chặt chẽ giữa Nhà nước thực dân và Giáo hội Công giáo là vì Tây Ban Nha là một nước mà đa số dân cư theo Công giáo. Đến tận ngày nay, chế độ chính trị của nhà nước Tây Ban Nha vẫn dựa vào một tôn giáo chủ lưu là Công giáo, chi phối nhiều hoạt động xã hội và tinh thần. Trong các thế kỷ XVI - XVII, không có nước nào ở Châu Âu lại có những tín đồ cuồng tín như ở Tây Ban Nha. Bản thân các ông vua Tây Ban Nha cũng là những người hết sức

cuồng tín. Philip II đã từng tuyên bố trắng trợn rằng, “sẵn sàng thiêu 100.000 người dị giáo và con trai của họ nếu như Công giáo yêu cầu”<sup>(11)</sup>. Vì là một nước sùng đạo nên Công giáo có một vị thế cao trong nhà nước, chi phối mọi mặt đời sống của nước này và luôn nhận được ưu đãi đặc biệt. Sau khi chiếm Philippines làm thuộc địa, Tây Ban Nha đã ứng xử với Philippines như ở chính quốc, quốc gia ngàn đảo này trở thành nước “Cộng hoà Công giáo”, “và điều đó có nghĩa là tính thế tục của nhà nước thực dân ở Philippines không cao”<sup>(12)</sup>. Trong suốt gần 400 năm cai trị Philippines của thực dân Tây Ban Nha, Giáo hội luôn luôn hiện diện bên cạnh nhà nước thực dân và có một sức mạnh rất lớn.

Công giáo trở thành tôn giáo chủ đạo ở Philippines không chỉ do sự cố kết chặt chẽ giữa hai thế lực nói trên mà còn do: Khi Tây Ban Nha xâm lược Philippines, mục đích ban đầu của Tây Ban Nha không phải là biến Philippines thành thuộc địa lâu dài mà là để biến nước này thành bàn đạp trong việc thâm nhập vào thị trường Trung Quốc. Vì vậy, Tây Ban Nha chưa có một đường hướng chính sách cụ thể nào trong việc đầu tư về lực lượng quân sự cũng như tài chính để xây dựng Philippines thành thuộc địa. Các lực lượng quân đội đưa sang Philippines chủ yếu là các đối tượng không được nhà vua ưu ái và rất hỗn tạp, trong đó có cả

10. Corpuz Onofred, (1979). *Philippines*, Ban Đông Nam Á, Viện Thông tin khoa học xã hội, tr. 58.

11. Mai Thị Hạnh, (2006). *Mối quan hệ giữa truyền giáo và chủ nghĩa thực dân ở Việt Nam và Philippines (từ thế kỷ XVI – XIX)*, luận văn thạc sỹ, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, tr. 60.

12. Corpuz Onofred, (1979). *Philippines*, Ban Đông Nam Á, Sđd, tr. 75.

những phạm nhân đưa sang Philippines với mục đích lưu đày. Và cũng chính vì Tây Ban Nha không có ý định xây dựng Philippines thành thuộc địa lâu dài nên không có chính sách cụ thể trong việc xây dựng bộ máy chính quyền thực dân ở đây, cho nên quyền kiểm soát thuộc địa thực tế đã rơi vào tay các giáo sĩ Công giáo.

Giáo hội nắm hầu như toàn bộ dân chúng, ảnh hưởng của họ đối với các con chiên rất mạnh mẽ. Lịch sử đã chỉ ra rằng, nếu lực lượng nào nắm được dân chúng, nắm được tinh thần của quần chúng thì lực lượng đó nắm trong tay sức mạnh. Có thể nói, sức mạnh của Giáo hội Công giáo ở Philippines có sự tác động hai chiều đến nền thống trị của chủ nghĩa thực dân. Một mặt, chính sự dạy dỗ của Giáo hội, của các giáo sĩ đã làm cho các con chiên có thái độ trung thành với "Mẫu quốc" Tây Ban Nha, thậm chí có hàng ngàn người đã chấp nhận một cách tự nguyện nền thống trị của chính quốc. Chính Giáo hội và các giáo sĩ đã điều khiển và kiểm soát tinh thần của giáo dân theo hướng có lợi cho chính quốc, đảm bảo an toàn cho nền thống trị của thực dân Tây Ban Nha.

Nhưng mặt khác, sức mạnh của Giáo hội cũng lại là một cản trở lớn nhất đối với quyền lực của các viên toàn quyền. Trong rất nhiều trường hợp, các chính sách của viên toàn quyền đưa ra mà không được sự tán thành từ phía các tổng giám mục và giám mục thì đều bị huỷ bỏ. Cũng không ít trường hợp, các toàn quyền thống trị ở Philippines bị Giáo hội phản đối đã phải quay trở về Tây Ban Nha.

Giáo hội không chỉ nắm hầu hết dân chúng mà còn nắm rất nhiều ruộng đất trong tay. Giáo hội là chủ sở hữu lớn về ruộng đất và điều này làm cho sức mạnh của Giáo hội càng gia tăng. Giáo hội ở Philippines không chỉ là chỗ dựa cho thực dân trong việc kiểm soát về chính trị mà Giáo hội còn tham gia vào quá trình bóc lột thuộc địa cùng với thực dân. Giáo hội chi phối đường lối, chính sách của nhà nước thực dân, tham gia vào việc kiểm soát hành chính, cai trị các địa phương như các quan chức dân sự và nhiều khi còn lấn át quyền lực dân sự, do đó giữa hai lực lượng này vẫn luôn tồn tại những mâu thuẫn về lợi ích không thể điều hoà.

Như vậy, ở Philippines, trong thời kì thống trị của Tây Ban Nha, tất cả các chức sắc Công giáo đều hết lòng vì sự cai trị của thực dân và chính họ cũng trở thành thành viên của bộ máy cai trị. Ảnh hưởng của họ càng lớn bao nhiêu, sự an toàn xã hội càng được đảm bảo bấy nhiêu. Ở Philippines, Giáo hội Công giáo nắm hơn 85% dân số, do đó, trong thời kì người Tây Ban Nha thống trị ở quần đảo này không có nhiều cuộc đấu tranh chống lại chính quyền thực dân như nhiều nước khác trong khu vực. Chính Giáo hội đã làm dịu các cuộc đấu tranh này. Họ là lực lượng chỉ điểm và giúp thực dân đàn áp các cuộc đấu tranh. Tuy nhiên, từ cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, khi số lượng linh mục người Philippines ngày càng đông, ý thức dân tộc tăng lên thì chính họ cùng với các lực lượng tiến bộ trong xã hội Philippines trở thành linh hồn của các cuộc đấu tranh chống lại thực dân Tây Ban Nha. /